

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/DS-ST
Ngày: 16 - 9 - 2021
*V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Lưu Hồng Hiếu.

2. Bà Đặng Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quốc Chương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2021/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Ánh D, sinh năm 1985;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 3, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Kim H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Ánh D trình bày:

Ngày 28/8/2019, chị Lê Thị Kim H có ký với anh D hợp đồng mua bán hàng hóa, đối tượng hàng hóa là cửa đơn phi tiêu chuẩn. Thời hạn hợp đồng là 40 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Tổng số tiền chị H phải thanh toán cho anh D là 53.000.000 đồng. Cửa đơn phi tiêu chuẩn anh D đã lắp xong, chị H đã sử dụng và đã thanh toán số tiền 15.000.000 đồng của đợt 1. Đợt 2 số tiền còn lại là 38.000.000 đồng, nhưng đã nhiều lần hồi thúc yêu cầu chị H thanh toán số tiền còn lại nhưng chị H không chịu trả.

Tại đơn khởi kiện ngày 24/12/2020 anh D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lê Thị Kim H phải trả cho anh D số tiền còn nợ là 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng) và tiền lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/6/2021, anh D rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chị H trả tiền lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật. Nay chỉ yêu cầu chị H phải trả cho anh D số tiền còn nợ là 38.000.000 đồng.

Bị đơn chị Lê Thị Kim H trình bày:

Vào ngày 28/8/2019 chị H có ký với anh Lê Ánh D hợp đồng mua bán hàng hóa, đối tượng hàng hóa là cửa đơn phi tiêu chuẩn. Thời hạn hợp đồng là 40 ngày kể từ ngày ký. Tổng số tiền chị H phải thanh toán là 53.000.000 đồng. Chị H đã thanh toán 15.000.000 đồng của đợt 1. Đợt 2 còn lại số tiền là 38.000.000 đồng. Chị H và anh D thỏa thuận miệng với nhau là anh D lấy khung cửa gỗ của chị H đem đi bán được bao nhiêu thì căn trừ vào số tiền 38.000.000 đồng còn nợ. Khung cửa gỗ anh D bán được 45.000.000 đồng. Sau khi căn trừ số tiền 38.000.000 đồng thì anh D còn nợ lại của chị H 7.000.000 đồng. Cửa đơn phi tiêu chuẩn theo hợp đồng thì anh D đã lắp xong.

Nay anh D khởi kiện yêu cầu buộc chị Lê Thị Kim H phải trả cho anh Lê Ánh D số tiền 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng), chị H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh D vì sau khi thỏa thuận căn trừ số tiền 38.000.000 đồng vào số tiền 45.000.000 đồng anh D bán khung cửa gỗ được thì anh D còn nợ lại của chị H số tiền 7.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Ánh D vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Lê Thị Kim H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi được phân công giải quyết vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chị Lê Thị Kim H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Về quan điểm giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 433, Điều 440 của Bộ luật Dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Ánh D, buộc chị Lê Thị Kim H phải trả cho anh D số tiền 38.000.000 đồng. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Ánh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Lê Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Ánh D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lê Thị Kim H phải trả cho anh D tiền mua bán hàng hóa của đơn phi tiêu chuẩn còn nợ là 38.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, bị đơn là chị Lê Thị Kim H có nơi cư trú tại tổ dân phố 2, phường N, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Ánh D yêu cầu bị đơn chị Lê Thị Kim H phải trả cho anh D số tiền mua bán hàng hóa của đơn phi tiêu chuẩn còn nợ là 38.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng mua bán tài sản ngày 28/8/2019 thể hiện chị H có ký với anh D hợp đồng mua bán hàng hóa là của đơn phi tiêu chuẩn. Thời hạn hợp đồng là 40 ngày kể từ ngày ký. Tổng số tiền chị H phải thanh toán cho anh D là 53.000.000 đồng. Chị H đã thanh toán 15.000.000 đồng của đợt 1. Đợt 2 còn lại là 38.000.000 đồng chị H chưa thanh toán cho anh D. Quá trình giải quyết, chị H thừa nhận chị H và anh D có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa trên và còn nợ số tiền của anh D là 38.000.000 đồng nhưng chị H cho rằng anh D lấy khung cửa gỗ của chị H đem đi bán để căn trừ vào số tiền còn nợ, số tiền khung cửa gỗ anh D bán được là 45.000.000 đồng, sau khi căn trừ vào số tiền 38.000.000 đồng thì anh D còn nợ lại của chị H 7.000.000 đồng, tuy nhiên chị H không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, mặt khác anh D không thừa nhận, do đó chị H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Ánh D là có căn cứ, cần chấp nhận, áp dụng Điều 430, khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự, buộc chị H phải trả cho anh D số tiền còn nợ là 38.000.000 đồng.

[4] Đối với phần yêu cầu khởi kiện của anh D về việc buộc chị H phải trả tiền lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật, ngày 23/6/2021 anh D rút phần yêu cầu khởi kiện này, việc rút phần yêu cầu khởi kiện này của anh D là hoàn toàn tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Ánh D được chấp nhận nên bị đơn chị Lê Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 38.000.000 đồng x 5% = 1.900.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn anh Lê Ánh D được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Ánh D đối với chị Lê Thị Kim H.

Buộc chị Lê Thị Kim H phải trả cho anh Lê Ánh D số tiền là 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Lê Ánh D có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án mà chị Lê Thị Kim H không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời

gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Ánh D đối với chị Lê Thị Kim H về việc yêu cầu chị Lê Thị Kim H phải trả cho anh Lê Ánh D tiền lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Kim H phải chịu số tiền 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Lê Ánh D số tiền 950.000đ (chín trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002554 ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký, đóng dấu

Lê Xuân Diệu